

Số: /2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG**  
**11.2020**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật cạnh tranh ngày 03 tháng 12 năm 2004;*

*Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp (Nghị định số 40/2018/NĐ-CP).*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP**

**1. Phương án 1:**

Bổ sung điểm o khoản 1 Điều 5 như sau:

“o) Thực hiện hoạt động bảo trợ quốc tế”

Phương án 2: không bổ sung quy định này

**2. Điều 6 được sửa đổi như sau:**

**“Điều 6. Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp**

Hoạt động bán hàng đa cấp phải được đăng ký theo quy định của Nghị định này. Doanh nghiệp tổ chức hoạt động bán hàng đa cấp trước khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp không được xem xét cấp

giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại Nghị định này.”

3. Bổ sung điểm h khoản 1 Điều 7 như sau:

“h) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp ở Việt Nam phải có thời gian hoạt động bán hàng đa cấp tối thiểu là 03 năm ở một quốc gia khác trên thế giới.”

4. Bổ sung điểm d khoản 4 Điều 14 như sau:

“d) Văn bản giải trình việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 7 Nghị định này.”

5. Khoản 2 Điều 20 được sửa đổi như sau:

“2. Trường hợp không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm ủy quyền cho một cá nhân cư trú tại địa phương làm người đại diện tại địa phương để thay mặt doanh nghiệp làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương đó.

Phương án 1: Bổ sung quy định về điều kiện đối với người đại diện tại địa phương theo hướng người đại diện phải nắm bắt được hoạt động của doanh nghiệp tại địa phương, có thể đại diện doanh nghiệp làm việc với cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương

Phương án 2: Sửa đổi quy định tại khoản này theo hướng doanh nghiệp phải có chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương nơi doanh nghiệp có hoạt động bán hàng đa cấp.

6. Bổ sung khoản 3 Điều 24 như sau:

“3. Doanh nghiệp không phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương trong trường hợp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp trên phạm vi toàn quốc.”

7. Khoản 2 Điều 26 được sửa đổi như sau:

“2. Trường hợp hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp có sự tham dự của từ 50 người trở lên hoặc có sự tham dự của từ 30 người tham gia bán hàng đa cấp trở lên, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm thông báo tới Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trước khi thực hiện.”

8. Điều 27 được sửa đổi như sau:

“Điều 27. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp

1. Hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp bao gồm:

a) Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Các nội dung chi tiết, tài liệu trình bày tại hội thảo, số lượng người tham gia dự kiến;

c) Danh sách báo cáo viên tại hội nghị, hội thảo, đào tạo kèm theo hợp đồng thuê khoán của doanh nghiệp, trong đó quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm, nội dung báo cáo của báo cáo viên;

d) 01 bản chính văn bản ủy quyền trong trường hợp doanh nghiệp ủy quyền cho cá nhân thực hiện đào tạo hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo.

2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có thể thông báo về việc tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp trong cùng một văn bản thông báo.

3. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp nộp hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp tới Sở Công Thương (gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) ít nhất 15 ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện.

4. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản để doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung. Thời hạn sửa đổi, bổ sung là 10 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương ban hành thông báo.

5. Doanh nghiệp được phép tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo nếu trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được thông báo, Sở Công Thương không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

6. Khi có thay đổi thông tin trong hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới Sở Công Thương ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện.

7. Trường hợp đã thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo với Sở Công Thương nhưng không thực hiện, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới Sở Công Thương ít nhất 03 ngày trước ngày dự kiến tổ chức trong hồ sơ thông báo.”

9. Điều 31 được sửa đổi như sau:

#### **“Điều 31. Chương trình đào tạo cơ bản**

1. Chương trình đào tạo cơ bản là chương trình đào tạo bắt buộc dành cho người tham gia bán hàng đa cấp.

Chương trình đào tạo cơ bản phải đáp ứng nội dung quy định tại khoản 2 Điều này và có cơ chế đánh giá việc hoàn thành chương trình đào tạo cơ bản phù hợp với nội dung và phương thức đào tạo.

2. Nội dung đào tạo cơ bản bao gồm các nội dung sau:

- a) Pháp luật về bán hàng đa cấp;
- b) Các chuẩn mực đạo đức trong hoạt động bán hàng đa cấp;
- c) Các nội dung cơ bản của hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, quy tắc hoạt động và kế hoạch trả thưởng.

3. Thời lượng đào tạo tối thiểu là 06 giờ, không bao gồm thời lượng đánh giá việc hoàn thành.”

10. Bổ sung khoản 3a Điều 36 như sau:

“3a. Trường hợp có thay đổi thông tin tron hồ sơ đề nghị công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp đã được công nhận, cơ sở đào tạo phải thông báo cho Bộ Công Thương bằng văn bản.”

11. Điều 43 được sửa đổi như sau:

**“Điều 43. Kế hoạch trả thưởng**

Kế hoạch trả thưởng phải quy định rõ điều kiện đạt được, hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác chi trả từng cấp bậc, danh hiệu người tham gia bán hàng đa cấp. Kế hoạch trả thưởng phải đảm bảo khoản hoa hồng từ kết quả bán hàng của người tham gia tối thiểu bằng 20% tổng số hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác mà người tham gia được hưởng.”

12. Bổ sung khoản 2a Điều 44 như sau:

“2a. Các thông tin tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều này phải được cung cấp ngay khi phát sinh giao dịch.”

13. Khoản 4 Điều 49 được sửa đổi như sau:

“4. Trước ngày 10 hàng tháng, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm gửi tới Sở Công Thương nơi doanh nghiệp đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp (gửi trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc qua thư điện tử) danh sách người tham gia bán hàng đa cấp cư trú tại địa phương của tháng trước đó (ghi rõ: Họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú trong trường hợp không cư trú tại nơi thường trú), số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số người tham gia, điện thoại liên hệ của người tham gia bán hàng đa cấp).”

14. Khoản 1 Điều 50 được sửa đổi như sau:

“1. Tiền ký quỹ là khoản tiền đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ của doanh nghiệp bán hàng đa cấp đối với người tham gia bán hàng đa cấp và Nhà nước trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 53 Nghị định này.

Nghĩa vụ của doanh nghiệp bán hàng đa cấp đối với người tham gia bán hàng đa cấp là các nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động bán hàng đa cấp hợp pháp, bao gồm nghĩa vụ trả thưởng theo kế hoạch trả thưởng, nghĩa vụ mua lại hàng hóa nếu người tham gia trả lại hàng theo đúng quy định...”

15. Điểm g khoản 1 Điều 56 được sửa đổi như sau:

“g) Báo cáo theo định kỳ hàng năm trước ngày 15 tháng 02 hoặc đột xuất với Bộ Công Thương về công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn theo mẫu số ... ban hành kèm theo Nghị định này;”

## **Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp**

## **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .....tháng..... năm 2021.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN,Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). xh 300

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**

